

THỰC TRẠNG NGUỒN LỰC ĐÁP ỨNG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ TẠI CÁC TRẠM Y TẾ VÙNG BIÊN GIỚI TÂY NAM BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thanh Hoài¹, Tạ Văn Trâm¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Việc hoàn thành các tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã của các Trạm Y tế là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu hiện nay. Để hoàn thành mục tiêu này thì việc đáp ứng đầy đủ các nguồn lực của Trạm Y tế là hết sức quan trọng. **Mục tiêu:** Mô tả thực trạng nguồn lực đáp ứng Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã vùng biên giới Tây Nam Bộ tỉnh Đồng Tháp. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên đối tượng nhân viên Trạm Y tế, lãnh đạo Trung tâm Y tế, ủy ban nhân dân và Trạm Y tế. **Kết quả:** Thiếu nhân lực và trang thiết bị y tế tại nhiều Trạm Y tế. Tiêu chí về cơ sở hạ tầng và kế hoạch-tài chính đều đạt yêu cầu. **Kết luận:** Các nguồn lực của các Trạm Y tế vùng biên giới Tây Nam Bộ tỉnh Đồng Tháp chưa đáp ứng được Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. **Từ khóa:** Nguồn lực, Bộ tiêu chí quốc gia, Đồng Tháp.

SUMMARY

THE CURRENT SITUATION OF RESOURCES TO MEET THE NATIONAL CRITERIA ON COMMUNE HEALTH STATION IN THE SOUTHWESTERN BORDER REGION OF DONG THAP PROVINCE

Background: Completing the criteria of the National criteria on commune health station is the current top priority task. To accomplish this goal, it is very important to fully meet the health station's resources. **Objective:** Describe the current situation of resources to meet the National criteria on commune health station in the southwestern border region of Dong Thap province. **Methods:** A cross-sectional descriptive study on health station staff, leaders of health centers, people's committees and clinics. **Results:** Lack of human resources and medical equipment at many health stations. Criteria on infrastructure and planning-finance are satisfactory. **Conclusion:** The resources of the health stations in the southwestern border region of Dong Thap province have not met the National criteria on commune health station. **Keywords:** Resources, National criteria, Dong Thap.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với sự đổi mới của đất nước, ngành Y tế Việt Nam nói chung và Y tế tỉnh Đồng Tháp nói riêng cũng từng bước đổi mới và phát triển,

¹Trung tâm Y tế Thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thanh Hoài

Email: pkhnvtxhn@gmail.com

Ngày nhận bài: 5.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 19.7.2023

Ngày duyệt bài: 11.8.2023

đã và đang đạt được nhiều thành tựu trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân cũng như trong công tác xây dựng và phát triển ngành y tế. Mạng lưới cơ sở y tế phát triển rộng khắp. Đội ngũ thầy thuốc và cán bộ, nhân viên y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng [2], [3].

Tuy nhiên, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Hệ thống tổ chức y tế còn thiếu ổn định, hoạt động chưa thực sự hiệu quả, đặc biệt là y tế dự phòng, y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Chất lượng dịch vụ, nhất là ở tuyến dưới chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng quá tải ở một số bệnh viện tuyến trên chậm được khắc phục. Thái độ phục vụ thiếu chuẩn mực của một bộ phận cán bộ y tế, một số vụ việc, sự cố y khoa gây phản cảm, bức xúc trong xã hội. Lợi thế của y, dược cổ truyền, dược liệu dân tộc chưa được phát huy tốt. Đào tạo, sử dụng, cơ cấu, chế độ đãi ngộ cán bộ y tế còn nhiều bất cập [2], [3]. Nguồn nhân lực y tế có kiến thức và kỹ thuật cao tập trung chủ yếu ở các bệnh viện lớn, khu vực thành phố. Chênh lệch chỉ số sức khỏe giữa các vùng, miền còn lớn [4].

Trạm Y tế được ví như một Bộ Y tế thu nhỏ với đầy đủ các chức năng từ phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số-kế hoạch hóa gia đình, truyền thông giáo dục sức khỏe,... Ngoài chức năng khám, chữa bệnh, hoạt động của Trạm Y tế gắn liền với thực hiện các chương trình Mục tiêu Y tế quốc gia, bao gồm chương trình phòng chống dịch, phòng, chống bệnh không lây nhiễm, khám sức khỏe cho người cao tuổi, an toàn thực phẩm, tiêm chủng mở rộng,...

Mục tiêu nghiên cứu: Mô tả thực trạng nguồn lực đáp ứng Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã vùng biên giới Tây Nam Bộ tỉnh Đồng Tháp.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Tất cả NVYT đang công tác tại 16 TYT trên địa bàn Thành phố Hồng Ngự và huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp, từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022.

Tiêu chuẩn chọn: Nhân viên y tế thuộc biên chế hoặc hợp đồng dài hạn tại TYT trên địa bàn Thành phố Hồng Ngự, huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Nhân viên y tế nghỉ hộ sản, đi học dài hạn, không có mặt tại thời

điểm nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Điều

tra toàn thể NVYT của 16 TYT trên địa bàn Thành phố Hồng Ngự và huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Xử lý và phân tích số liệu: Phần mềm SPSS 18.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Tỷ lệ Trạm Y tế đạt tiêu chí Nhân lực y tế theo Bộ tiêu chí quốc gia

Nội dung	TP Hồng Ngự (n=7)		Huyện Tân Hồng(n=9)		Tổng (N=16)	
	Đạt n(%)	Không đạt n(%)	Đạt n(%)	Không đạt n(%)	Đạt n(%)	Không đạt n(%)
- Đảm bảo đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo đề án vị trí việc làm của TYT được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các cán bộ được đào tạo, tập huấn chuyên môn theo quy định hiện hành	0(0)	7(100)	1(11,1)	8(88,9)	1(6,3)	15(93,7)
- Có bác sĩ làm việc tại TYT xã	6(85,7)	1(14,3)	9(100)	0(0)	15(93,8)	1(6,2)
-Môi thôn, bản, ấp đều có NVYT được đào tạo hoạt động; đối với thôn, bản ấp thuộc xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số có cô đỡ thôn bản được đào tạo	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước ban hành đối với cán bộ TYT xã, nhân viên y tế thôn bản và các loại hình nhân viên y tế hưởng phụ cấp khác	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)

Đánh giá về nhân lực TYT xã theo các nội dung trong Bộ tiêu chí quốc gia cho thấy 100% TYT thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước ban hành đối với cán bộ TYT xã, nhân viên y tế thôn bản và các loại hình nhân viên y tế

hưởng phụ cấp khác. 93,8% TYT có bác sĩ làm việc và chỉ có 6,3% TYT đảm bảo đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo Thông tư 08/2007.

Bảng 2. Tỷ lệ Trạm Y tế đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng Trạm Y tế xã theo Bộ tiêu chí quốc gia

Nội dung	TP Hồng Ngự (n=7)		Huyện Tân Hồng(n=9)		Tổng (N=16)	
	Đạt n(%)	Không đạt n(%)	Đạt n(%)	Không đạt n(%)	Đạt n(%)	Không đạt n(%)
- TYT xã ở gần đường trục giao thông của xã, hoặc ở khu vực trung tâm xã để người dân dễ tiếp cận	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- Diện tích mặt bằng và diện tích xây dựng của TYT xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu CSSK nhân dân	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- TYT xã được xây dựng theo tiêu chuẩn thiết kế Trạm Y tế cơ sở và tiêu chuẩn ngành; đảm bảo đủ số lượng và diện tích của các phòng để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- Khối nhà chính của TYT xã được xếp hạng từ cấp IV trở lên	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- TYT xã có nguồn nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh; thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- Có đủ hạ tầng kỹ thuật và khối phụ trợ	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)

Tất cả các TYT trên địa bàn nghiên cứu đều đạt các nội dung về tiêu chí cơ sở hạ tầng TYT xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Bảng 3. Tỷ lệ Trạm Y tế đạt tiêu chí Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác theo Bộ tiêu chí quốc gia

Nội dung	TP Hồng Ngự (n=7)		Huyện Tân Hồng(n=9)		Tổng (N=16)	
	Đạt n(%)	Không đạt n(%)	Đạt n(%)	Không đạt n(%)	Đạt n(%)	Không đạt n(%)
- TYT xã đảm bảo có đủ trang thiết bị để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; cán bộ y tế có khả năng sử dụng các trang thiết bị y tế được cấp	1(14,3)	6(85,7)	2(22,2)	7(77,8)	3(18,8)	13(81,2)
- Tại TYT xã có đủ thuốc chữa bệnh, thuốc chống sốc và thuốc cấp cứu thông thường; quản lý thuốc theo đúng quy định	0(0)	7(100)	7(77,8)	2(22,2)	7(43,8)	9(56,2)
- Bảo đảm thường xuyên có đủ vật tư tiêu hao phục vụ khám bệnh, chữa bệnh; có đủ thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ công tác phòng chống dịch	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- NVYT thôn/bản được cấp túi y tế thôn/bản; được cấp gói đồ dề sạch đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; cô đỡ thôn bản được cấp túi cô đỡ thôn bản; cộng tác viên dân số được cấp túi truyền thông theo danh mục Bộ Y tế đã ban hành	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- Cơ sở hạ tầng TYT xã được duy tu, bảo dưỡng định kỳ; trang thiết bị khi bị hư hỏng được sửa chữa hoặc thay thế kịp thời	7(100)	0(0)	7(77,8)	2(22,2)	14(87,5)	2(12,5)
- TYT xã có tủ sách với 15 đầu sách chuyên môn trở lên	7(100)	0(0)	8(88,9)	1(11,1)	15(93,7)	1(6,3)

100% TYT thuộc địa bàn nghiên cứu đều đạt nội dung Bảo đảm thường xuyên có đủ vật tư tiêu hao phục vụ khám bệnh, chữa bệnh; có đủ thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ công tác phòng chống dịch và nội dung NVYT thôn/bản được cấp túi y tế thôn/bản; được cấp gói đồ dề sạch đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; cô đỡ thôn bản được cấp túi cô đỡ thôn bản; cộng tác viên dân số được cấp túi truyền

thông theo danh mục Bộ Y tế đã ban hành. Nội dung TYT xã có đủ thuốc chữa bệnh, thuốc chống sốc và thuốc cấp cứu thông thường; quản lý thuốc theo đúng quy định chỉ đạt 43,8% tổng số TYT. 18,8% TYT xã đảm bảo có đủ trang thiết bị để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; cán bộ y tế có khả năng sử dụng các trang thiết bị y tế được cấp.

Bảng 4. Tỷ lệ Trạm Y tế đạt tiêu chí Kế hoạch-tài chính theo Bộ tiêu chí quốc gia

Nội dung	TP Hồng Ngự (n=7)		Huyện Tân Hồng(n=9)		Tổng (N=16)	
	Đạt n(%)	Không đạt n(%)	Đạt n(%)	Không đạt n(%)	Đạt n(%)	Không đạt n(%)
- Y tế xã có xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về các hoạt động y tế của xã	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- TYT xã có đủ sổ, mẫu báo cáo thống kê theo quy định; báo cáo số liệu thống kê đầy đủ, kịp thời, chính xác; có các biểu	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)

đồ, bảng số liệu thống kê cập nhật về tình hình hoạt động						
- TYT xã được cấp đủ và kịp thời kinh phí chi thường xuyên; quản lý tài chính theo quy định	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT từ 80% trở lên	7(100)	0(0)	9(100)	0(0)	16(100)	0(0)

Tất cả các TYT trên địa bàn nghiên cứu đều đạt các nội dung về tiêu chí Kế hoạch-tài chính theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

IV. BÀN LUẬN

Việc đánh giá thực trạng các nguồn lực của TYT đáp ứng Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã được thực hiện thông qua các bảng kiểm dựa theo Quyết định 4667/BYT, các kết quả kiểm tra cuối năm các TYT của TTYT huyện Tân Hồng và TP Hồng Ngự cũng như việc quan sát, phỏng vấn và đánh giá của nghiên cứu viên về thực trạng hiện nay của các TYT. Các nội dung chính gồm đánh giá về nhân lực TYT, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị y tế, thuốc, hoá chất và các phương tiện khác và cuối cùng là nguồn lực tài chính. Kết quả nghiên cứu tiêu chí nhân lực TYT được thể hiện trong bảng 3.13 cho thấy chỉ có 6,3% TYT đảm bảo đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo đề án vị trí việc làm của TYT được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các cán bộ được đào tạo, tập huấn chuyên môn theo quy định hiện hành. Có 93,8% TYT có bác sĩ làm việc thường xuyên và 100% TYT đạt nội dung về hoạt động của NVYT thôn, bản. Kết quả cũng ghi nhận tỷ lệ thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước ban hành đối với cán bộ TYT xã, nhân viên y tế thôn, bản và các loại hình nhân viên y tế hưởng phụ cấp khác đạt 100%.

Xét tiêu chí cơ sở hạ tầng TYT xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, thấy rằng 100% các TYT trên địa bàn nghiên cứu đều đạt tiêu chí này. Theo ghi nhận của chúng tôi, kết quả này mới đạt được trong những năm gần đây do địa phương đầu tư xây dựng mới các công trình giao thông liên huyện, xã và các công trình công cộng khác, việc sửa sang, xây mới các chợ, trường học và sửa chữa nâng cấp các TYT nhằm đưa các xã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao đã đưa hầu hết các xã đạt tiêu chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Qua quan sát của nghiên cứu viên thì đường xá đến các TYT cũng tương đối thuận lợi, diện tích đất xung quanh TYT tương đối rộng, nhiều TYT có vườn thuốc nam và trồng vườn rau sau TYT; diện tích xây dựng khối nhà chính, các phòng chức năng đều đạt yêu cầu tuy có vài TYT các phòng này xuống

cấp cần sửa chữa, xây mới. 100% TYT có sử dụng nước máy hợp vệ sinh, các TYT đều có nhà vệ sinh đạt chuẩn và có hợp đồng xử lý rác thải y tế với TTYT, rác sinh hoạt được thu gom lại đốt tại các hố rác hoặc có xe rác đến thu gom (đối với các TYT gần trung tâm huyện). Mỗi TYT đều có hệ thống máy vi tính kết nối mạng Internet và máy in để phục vụ công tác của TYT. Các công trình phụ trợ mặc dù xuống cấp nhưng vẫn còn sử dụng được như nhà xe, kho, hàng rào,...

Trong bảng điểm kiểm tra cuối năm các TYT của TTYT huyện Tân Hồng và TP Hồng Ngự đều ít nhiều bị trừ điểm các nội dung trong tiêu chí Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác theo Bộ tiêu chí quốc gia. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng, chỉ có 3/16 TYT (chiếm 18,8%) đảm bảo đầy đủ trang thiết bị để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; cán bộ y tế có khả năng sử dụng các trang thiết bị y tế được cấp và 43,8% TYT xã có đủ thuốc chữa bệnh, thuốc chống sốc và thuốc cấp cứu thông thường; quản lý thuốc theo đúng quy định. Có 87,5% TYT thực hiện duy tu, bảo dưỡng định kỳ cơ sở hạ tầng TYT xã; trang thiết bị khi bị hư hỏng được sửa chữa hoặc thay thế kịp thời. 93,7% TYT có tủ sách với 15 đầu sách chuyên môn trở lên.

Về chỉ tiêu kế hoạch- tài chính, tất cả các TYT đều xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về các hoạt động y tế của xã. Các biểu mẫu, sổ sách báo cáo thống kê,... đều được TYT thực hiện đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định, có các biểu đồ, bảng số liệu thống kê cập nhật về tình hình hoạt động. Nhìn chung, kinh phí chi thường xuyên của các TYT được cấp đầy đủ và kịp thời theo quy định. Tỷ lệ tham gia BHYT của người dân đạt trên 80%, các hộ nghèo, cận nghèo tại địa phương và người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi đều được cấp miễn phí thẻ BHYT, TYT và các ban ngành đoàn thể của địa phương cũng tích cực vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện để có thể san sẻ phần nào gánh nặng tài chính khi người dân gặp vấn đề về sức khoẻ.

V. KẾT LUẬN

100% Trạm Y tế thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước ban hành đối với cán bộ Trạm Y tế xã, nhân viên y tế thôn bản và các loại hình nhân viên y tế hưởng phụ cấp khác. Tất cả các Trạm Y tế trên địa bàn nghiên cứu đều đạt các nội dung về tiêu chí cơ sở hạ tầng Trạm Y tế xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

100% Trạm Y tế thuộc địa bàn nghiên cứu đều đạt nội dung Bảo đảm thường xuyên có đủ vật tư tiêu hao phục vụ khám bệnh, chữa bệnh; có đủ thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ công tác phòng chống dịch và nội dung nhân viên y tế thôn/bản được cấp túi y tế thôn/bản; được cấp gói đồ dè sạch đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; cô đỡ thôn bản được cấp túi cô đỡ thôn bản; cộng tác viên dân số được cấp túi truyền thông theo danh mục Bộ Y tế đã ban hành.

Tất cả các Trạm Y tế trên địa bàn nghiên cứu đều đạt các nội dung về tiêu chí Kế hoạch-tài chính theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế** (2014). Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế Về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020.

2. **Phạm Tiến Định** (2021). Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân. Luận văn thạc sĩ quản trị nhân lực, Trường Đại học Công đoàn.
3. **Nguyễn Hải Hà** (2017). Thực trạng đào tạo liên tục cho các bộ Dược Sĩ ở các Bệnh viện tại thành phố Hải Dương năm 2017. Khoa Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. **Nguyễn Ngọc Huân** (2020). Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của nhân viên tại Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội năm 2019. Khóa luận tốt nghiệp đại học, Khoa Y dược – Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. **Nông Tuấn Phong, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Phương Lan** (2022). Thực trạng về số lượng nhân lực tuyến y tế cơ sở Cao Bằng và các yếu tố ảnh hưởng đến nhân lực năm 2021. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 32-số 8: 93-100.
6. **Hoàng Văn Tạo, Hạc Văn Vinh** (2016). Thực trạng nguồn nhân lực Trạm Y tế xã, phường, thị trấn tỉnh Lạng Sơn. Trường Đại học Y dược Thái Nguyên. Bản tin Y dược học miền núi số 4 năm 2016.
7. **Nguyễn Đức Thành, Bùi Thị Mỹ Anh, Nguyễn Khắc Dũng và cs** (2020). Thực trạng nhân lực và một số yếu tố ảnh hưởng đến thu hút và duy trì nhân lực tại Bệnh viện đa khoa huyện Cư Kuin giai đoạn 2016 - 2018. Trường Đại học Y tế công cộng. Tập 04, Số 03-2020.
8. **Đàm Thị Tuyết, Hoàng Minh Nam, Lê Vũ Cường** (2020). Thực trạng nguồn nhân lực Trung tâm Y tế huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên. Tập 225 Số 11.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHỤC HỒI RĂNG HÀM SỮA BẰNG GIC FUJI BULK VÀ FUJI IX EXTRA

Đào Thị Hằng Nga¹, Nguyễn Thị Hạnh², Vũ Mạnh Tuấn¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả của trám phục hồi tổn thương sâu răng hàm sữa bằng GIC Fuji Bulk và Fuji IX Extra ở nhóm trẻ 4-8 tuổi. **Kết quả:** Sau 6 tháng: sự lưu giữ của miếng trám, sát khít bờ miếng trám của nhóm trám bằng Fuji Bulk là 100% và 93,2%, còn Fuji IX Extra lần lượt là 98,6% và 89,2%; kết quả miếng trám mã D0 của Fuji Bulk là 77,0%, Fuji IX Extra là 60,8%. **Kết luận:** Tỷ lệ thành công của nhóm vật liệu nhóm vật liệu Fuji Bulk cao hơn Fuji IX Extra, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Từ khóa: Răng, sâu răng, Fuji Bulk, Fuji IX Extra

SUMMARY

EVALUATION THE RESTORATION EFFECT FOR PRIMARY MOLARS USING GIC FUJI BULK AND FUJI EXTRA

Objectives: To evaluate the efficiency of primary molar's restoration using GIC Fuji Bulk and Fuji IX Extra in 4-8 year-old children. **Results:** After 6 months: the retention, the well-joined of restoration in Fuji Bulk group were 100% và 93,2% of the cases while in Fuji IX Extra group were 98,6% và 89,2% of the cases; code D0 result was 77,0% and 60,8% in Fuji Bulk and Fuji IX Extra in turn. **Conclusion:** The success rate in Fuji Bulk group was higher than Fuji IX Extra group, that difference was significant.

Keywords: Teeth, caries, Fuji Bulk, Fuji IX Extra

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, sâu răng sữa ở trẻ em chiếm tỷ lệ cao. Theo kết quả điều tra sức khỏe răng miệng toàn quốc năm 2019, tỷ lệ trẻ 6-8 tuổi bị sâu răng sữa là 86,4% trong đó trung bình mỗi

¹Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Răng Hàm Mặt TW Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đào Thị Hằng Nga

Email: hangnga@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 2.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 19.7.2023

Ngày duyệt bài: 8.8.2023